



*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT  
VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN (PETEC)**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017**



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 50



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017.

**I. CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18/05/2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 30/07/2010 và thay đổi lần thứ 6 ngày 19/08/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 2.600.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 : 2.488.774.701.456 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** thương mại, dịch vụ**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy.

Ngày 31/05/2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên / Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long Áp Thanh Mỹ, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2. Công ty Cổ phần Cà Phê Petec 3 Hoa Đào, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	58,75%	58,75%	58,75%	58,75%
3. Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Petec Land") (*) 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	30,71%	30,71%	> 50%	> 50%

(\*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp tại Petec Land và theo đó Công ty không nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết nhưng Công ty có quyền kiểm soát Petec Land thông qua việc có đa số đại diện trong Hội đồng Quản trị thực hiện chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land. Theo đó, Petec Land là một Công ty con.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Petec Bình Định 389 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	31,54%	31,54%	31,54%	31,54%
2. Công ty Cổ phần Kho vận Petec Lô G1-9, KCN Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	31,50%	31,50%	39,21%	39,21%

## **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch
Ông	Huỳnh Đức Trường	Thành viên
Ông	Mai Quang Vinh	Thành viên
Ông	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông	Huỳnh Đức Trường	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

### **Ban Kiểm soát**

Ông	Huỳnh Văn Hương	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà	Diệp Thu Thủy	Thành viên

### **Đại diện pháp luật**

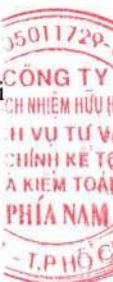
Ông	Huỳnh Đức Trường
-----	------------------

### **Kế toán trưởng**

Ông	Bùi Minh Hiệp
-----	---------------

## **V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Trường



Số: 58 /BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC), được lập ngày 15/01/2018, từ trang 08 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh V.4, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18/05/2011 (thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18/05/2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC) tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần lưu ý

Tại ngày 24/10/2017, Kiểm toán Nhà nước ra thông báo số 836/TB-KTNN về việc truy thu thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2015 - 2016 tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam, trong đó số tiền truy thu đối với Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (Công ty con của PVOIL) là 13.880.150.000 VND. Theo đó, ngày 14/11/2017 Tổng Công ty đã có văn bản số 005166/PTC-TCKT gửi Kiểm toán Nhà nước về việc giải trình số tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường, công văn số 005346/PTC-TCKT ngày 27/11/2017 gửi Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc phúc đáp công văn số 15818/TB-CT ngày 09/11/2017 về việc nộp thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và các văn bản báo cáo Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thu thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Khoản tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường nêu trên Tổng Công ty chưa hạch toán trong năm 2017 do phải chờ kết quả xử lý kiến nghị của Tổng Công ty.

TP. HCM, ngày 02 tháng 3 năm 2018  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam  
Phó Tổng Giám đốc



**Đỗ Khắc Thanh**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

**Dương Nguyên Thúy Mai**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0848-2018-142-1





Mẫu số B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>405.572.742.023</b>	<b>463.564.816.354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>30.350.557.766</b>	<b>23.303.167.973</b>
1. Tiền	111		22.340.557.766	21.703.167.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.010.000.000	1.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>288.985.911.950</b>	<b>302.592.448.195</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	707.639.029.155	717.472.530.695
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.619.710.611	6.189.913.126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	216.977.999.657	214.815.655.961
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(642.440.250.368)	(635.963.286.560)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	189.422.895	77.634.973
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>73.365.285.437</b>	<b>111.886.271.334</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.365.285.437	111.886.271.334
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.870.986.870</b>	<b>25.782.928.852</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.178.001.180	1.139.591.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.170.891.726	23.121.243.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.522.093.964	1.522.093.964
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.068.377.415.075</b>	<b>1.093.830.081.751</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.526.000.000</b>	<b>2.526.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	19.787.254.473	19.957.827.953
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(17.261.254.473)	(17.431.827.953)

Mẫu số B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>680.552.664.805</b>	<b>705.145.528.803</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	378.959.789.483	401.815.845.713
- Nguyên giá	222		695.695.164.329	687.438.358.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316.735.374.846)	(285.622.512.844)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	301.592.875.322	303.329.683.090
- Nguyên giá	228		310.939.727.048	310.939.727.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.346.851.726)	(7.610.043.958)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.8	<b>60.957.161.297</b>	<b>74.890.716.259</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	60.957.161.297	74.890.716.259
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.3	<b>53.388.195.623</b>	<b>54.213.261.604</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	19.963.139.341	19.797.248.161
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	40.425.056.282	40.428.056.282
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	(7.000.000.000)	(6.012.042.839)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>270.953.393.350</b>	<b>257.054.575.085</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	268.648.085.931	254.066.836.838
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	2.305.307.419	2.987.738.247
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.473.950.157.098</b>	<b>1.557.394.898.105</b>



Mẫu số B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>663.682.791.139</b>	<b>725.083.761.117</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>663.394.791.139</b>	<b>724.813.761.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	540.525.425.020	593.098.416.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.056.189.698	7.374.457.796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	59.835.897.942	71.963.657.067
4. Phải trả người lao động	314		7.217.058.685	8.635.020.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	9.745.130.440	5.561.740.089
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	24.960.964.500	38.057.763.678
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.124.854	122.706.214
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>288.000.000</b>	<b>270.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	288.000.000	270.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-



Mẫu số B 01a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>810.267.365.959</b>	<b>832.311.136.988</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>810.267.365.959</b>	<b>832.311.136.988</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.16	2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(5.232.969.000)	(5.232.969.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.760.524.885	8.760.524.885
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	(1.685.669.528.727)	(1.664.832.076.440)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.664.832.076.440)	(1.640.831.037.400)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(20.837.452.287)	(24.001.039.040)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.634.637.345	4.840.956.087
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.473.950.157.098</b>	<b>1.557.394.898.105</b>

Người lập biểu

Khuru Kim-Huê

Kế toán trưởng

Bùi Minh Hiệp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

Huỳnh Đức Trường



Mẫu số B 02a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.069.282.923.840	3.435.730.737.461
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>4.069.282.923.840</b>	<b>3.435.730.737.461</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.904.320.668.243	3.292.031.648.062
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>164.962.255.597</b>	<b>143.699.089.399</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.061.445.934	14.957.321.372
Chi phí tài chính	22	VI.5	3.138.591.569	4.070.467.677
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		870.289.545	801.445.875
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		940.092.183	5.320.627.334
Chi phí bán hàng	25	VI.8	141.846.455.157	143.923.973.959
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	48.946.977.363	39.905.027.222
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(21.968.230.375)</b>	<b>(23.922.430.753)</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	250.408.905	1.506.775.609
Chi phí khác	32	VI.7	110.797.536	151.614.869
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>139.611.369</b>	<b>1.355.160.740</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(21.828.619.006)</b>	<b>(22.567.270.013)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(21.828.619.006)</b>	<b>(22.567.270.013)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>(20.622.300.264)</b>	<b>(21.956.126.026)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.206.318.742)	(611.143.987)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(83)	(88)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(83)	(88)

Người lập biểu

Khưu Kim Huê

Kế toán trưởng

Bùi Minh Hiệp

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

Huyền Đức Trường





**Mẫu số B 03a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(21.828.619.006)</b>	<b>(22.567.270.013)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.790.608.997	40.910.245.066
- Các khoản dự phòng	03		7.294.347.489	(4.437.037.644)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.062.599.962)	(3.816.532.775)
- Chi phí lãi vay	06		870.289.545	801.445.875
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>14.064.027.063</b>	<b>10.890.850.504</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		20.250.497.453	46.757.567.867
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		38.520.985.897	(43.804.218.048)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(47.958.296.649)	(34.898.353.062)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.145.595.011)	6.353.334.464
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(870.074.160)	(801.445.875)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.861.544.593</b>	<b>(15.502.264.150)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.067.031.740)	(2.522.540.178)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		37.817.077	961.044.009
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.236.068.600	3.816.532.775
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(793.146.063)</b>	<b>2.255.036.606</b>



Mẫu số B 03a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		169.507.049.375	157.181.237.651
Tiền trả nợ gốc vay	34		(182.528.058.112)	(141.337.468.628)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.021.008.737)</b>	<b>15.843.769.023</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.047.389.793</b>	<b>2.596.541.479</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>23.303.167.973</b>	<b>20.706.626.494</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	V.1	<b>30.350.557.766</b>	<b>23.303.167.973</b>

Người lập biểu



Khưu Kim Huệ

Kế toán trưởng



Bùi Minh Hiệp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Trường

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18/05/2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 30/07/2010 và thay đổi lần thứ 6 ngày 19/08/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 2.600.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 : 2.488.774.701.456 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: thương mại, dịch vụ**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngày 31/05/2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

##### **a. Công ty con**

- Tổng số các Công ty con : 3
  - + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 3
  - + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : -
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên / Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
1. Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long Áp Thanh Mỹ, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2. Công ty Cổ phần Cà Phê Petec 3 Hoa Đào, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	58,75%	58,75%	58,75%	58,75%
3. Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Petec Land") (*) 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	30,71%	30,71%	> 50%	> 50%



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

- (\*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp tại Petec Land và theo đó Công ty không nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết nhưng Công ty có quyền kiểm soát Petec Land thông qua việc có đa số đại diện trong Hội đồng Quản trị thực hiện chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land. Theo đó, Petec Land là một Công ty con.

Báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán nên số liệu hợp nhất căn cứ vào số liệu được cung cấp bởi Công ty.

### **b. Công ty liên kết**

- Tổng số các Công ty liên kết : 2
  - + Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất : 2
  - + Số lượng Công ty liên kết không được hợp nhất : -
- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên / Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
(**) 1. Công ty Cổ phần Petec Bình Định 389 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	31,54%	31,54%	31,54%	31,54%
(**) 2. Công ty Cổ phần Kho vận Petec Lô G1-9, KCN Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	31,50%	31,50%	39,21%	39,21%
(**) Báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán nên số liệu hợp nhất căn cứ vào số liệu được cung cấp bởi Công ty.				

### **7. Cơ sở hợp nhất**

- Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn thi hành phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



Mẫu số B 09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ("Thông tư 200") ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/QĐ-BTC ("Thông tư 202") ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư 167/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (gọi tắt là "Công ty") được lập cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Hạch toán tỷ giá thực hiện theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và chuẩn mực kế toán số 10 "ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản ... theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Những khoản nợ quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên nhưng đã có tài sản đảm bảo và đã thu hồi được đến ngày lập báo cáo tài chính thì không trích lập dự phòng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị mua vào của hàng hóa và chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Mẫu số B 09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có. Các TSCĐ được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm
- Tài sản cố định khác	25 năm

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao các tài sản cố định theo Nghị quyết số 6063/NQ-PTC ngày 29/12/2017 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 6044/QĐ-PTC ngày 29/12/2017, điều chỉnh tăng thời gian khấu hao một số tài sản từ ngày 01/01/2017 theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa được phê duyệt quyết toán) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về các giá trị của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.



**Mẫu số B 09a - DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Năm 2017**

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Chi phí trả trước tại Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2010. Các chi phí trả trước khác là tiền thuê đất dài hạn, chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ ...

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### 19. Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
- Tiền mặt	2.266.217.963	1.235.809.197
- Tiền gửi ngân hàng	20.074.339.803	20.467.358.776
- Các khoản tương đương tiền	8.010.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.350.557.766</b>	<b>23.303.167.973</b>

#### 2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>2.1. Ngắn hạn</b>		
Cty CP Thương mại Dầu khí Vũ Anh	37.530.158.546	43.257.741.001
Cty CP Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Cty CP Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Cty CP ĐT và PT Xăng dầu Tiền Phong	124.251.939.885	124.251.939.885
Cty CP Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Cty CP ĐT và PT Cẩm Giàng	20.010.740.366	20.010.740.366
Cty CP Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.988.298.311	70.038.298.311
Cty CP XDDK Nam Định	10.524.144.037	12.205.539.805
Đối tượng khác	155.357.202.164	157.731.725.481
<b>Cộng</b>	<b>707.639.029.155</b>	<b>717.472.530.695</b>
<b>2.2. Dài hạn</b>		
Cty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Cty TNHH SX và TM XNK Tân Định Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Đối tượng khác	632.554.868	803.128.348
<b>Cộng</b>	<b>19.787.254.473</b>	<b>19.957.827.953</b>

#### Ghi chú:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh VIII.3



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

### **3 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

	<b>Tại ngày</b>
	<b>31/12/2017</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	19.963.139.341
<b>Cộng</b>	<b>19.963.139.341</b>

	<b>Tại ngày</b>
	<b>01/01/2017</b>
	19.797.248.161
<b>Cộng</b>	<b>19.797.248.161</b>

**Chi tiết các số dư cuối kỳ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:**

	<b>Tại ngày</b>
	<b>31/12/2017</b>
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	19.963.139.341
<b>Cộng</b>	<b>19.963.139.341</b>

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

**b. Đầu tư vào các đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư chứng khoán	5.726.652.839	-	5.726.652.839	5.636.610.000
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	990.042.839	-	990.042.839	900.000.000
+ Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	-	4.736.610.000	4.736.610.000
Đầu tư góp vốn	34.698.403.443	7.000.000.000	27.649.123.443	28.779.403.443
+ Công ty CP Âu Lạc	26.482.144.914	-	26.482.144.914	26.482.144.914
+ Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai	1.166.978.529	-	1.166.978.529	1.166.978.529
+ Công ty CP Vận tải Việt Tin	7.000.000.000	7.000.000.000	-	1.078.000.000
+ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	49.280.000	-	-	52.280.000
<b>Cộng</b>	<b>40.425.056.282</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>33.375.776.282</b>	<b>40.428.056.282</b>
				<b>34.416.013.443</b>

**Ghi chú:**

Tình hình hoạt động của năm 2017, kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định do Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (PETEC) cung cấp và chưa được kiểm toán.

Khoản đầu tư vào Công ty CP Âu Lạc và Công ty VLXD và Chất đốt Đồng Nai là những cổ phiếu chưa niêm yết và cũng không có giao dịch trên thị trường OTC, do đó chúng tôi không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý cũng như trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.





Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ phần hóa <i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	498.000.000	-	498.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.115.032.000	-	4.742.000.000	-
- Tạm ứng	1.049.568.991	-	1.459.626.095	-
- Ký cược, ký quỹ	11.491.500.000	-	13.624.174.048	-
- Phải thu khác	198.823.898.666	-	194.491.855.818	-
+ <i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (lỡ lũy kế trước cổ phần hóa) (***)</i>	169.785.513.359	-	169.785.513.359	-
+ <i>Trung tâm XD Hạ tầng KCN Thốt Nốt (đền bù giải tỏa kho) (**)</i>	7.951.288.931	-	7.951.288.931	-
+ <i>Cty CP DV Cảng Đồng Nai (**)</i>	3.482.934.400	-	3.482.934.400	-
+ <i>Cty TNHH Dầu Nam Dũng (**)</i>	1.873.249.401	-	1.873.249.401	-
+ <i>Công ty CP Xây dựng Ngọc Hiện (**)</i>	913.897.600	-	913.897.600	-
+ <i>Thuê đất (*)</i>	2.478.271.012	-	2.478.271.012	-
+ <i>Đối tượng khác</i>	12.338.743.963	-	8.006.701.115	-
<b>Cộng</b>	<b>216.977.999.657</b>	<b>-</b>	<b>214.815.655.961</b>	<b>-</b>

#### Ghi chú:

- (\*) Công ty đã tạm ngừng phân bổ từ ngày 01/01/2014. Và theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính, giá trị lợi thế vị trí địa lý nêu trên sẽ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm. Hiện Công ty đã gửi hồ sơ đến các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị khấu trừ theo quy định.
- (\*\*) Các khoản phải thu khác ngắn hạn này đã quá hạn nhưng chưa được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo như Thư giải trình của Ban Giám đốc Công ty.
- (\*\*\*) Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18/05/2011 (thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18/05/2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán.

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

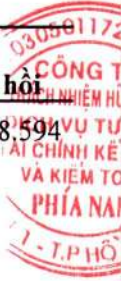
Năm 2017

### 5 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho		189.422.895		77.634.973
Dầu DO	15.467 lít	189.422.895	6.282 lít	77.634.973
<b>Cộng</b>		<b>189.422.895</b>		<b>77.634.973</b>

### 6 . NỢ XẤU

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	685.726.293.346	29.993.615.114	695.222.527.255	41.720.148.594
<i>Chi tiết:</i>				
Cty TNHH TMDV DK Anh Thuý	12.335.735.875	12.335.735.875	12.335.735.875	12.335.735.875
Cty CP XD DK Nam Định	10.440.277.121	10.440.277.121	11.940.277.121	11.940.277.121
Cty CP Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Cty CP Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.988.298.311	-	70.038.298.311	-
Cty CP VTTM Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Cty CP TM Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	8.158.000.000
Cty TNHH Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Cty CP ĐT và Phát Triển XD Tiên Phong	118.524.357.430	-	124.251.939.885	-
Cty CP DK và Chất Đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Cty CP ĐT và PT Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Cty TNHH TM và DV DK Ninh Bình	8.906.024.795	-	9.220.159.295	1.703.960.000
Cty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000
Cty TNHH SX&TM XNK Tân Định Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Đối tượng khác	66.760.587.375	902.602.118	68.665.104.329	1.267.175.598
<b>Cộng</b>	<b>685.726.293.346</b>	<b>29.993.615.114</b>	<b>695.222.527.255</b>	<b>41.720.148.594</b>





**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.900.070.961	-	2.120.991.726	-
- Công cụ, dụng cụ	193.623.618	-	252.243.833	-
- Hàng hóa	71.271.590.858	-	104.100.253.775	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	5.412.782.000	-
<b>Cộng</b>	<b>73.365.285.437</b>	<b>-</b>	<b>111.886.271.334</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

**Xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
- Mua sắm	3.372.727.272	16.918.181.817
+ CHXD Đông Hoà Thái Bình	-	13.545.454.545
+ CHXD Linh Yên Hải Dương	3.363.636.363	3.363.636.363
+ CHXD Phương Nhân Cần Thơ	9.090.909	9.090.909
- Xây dựng cơ bản	57.398.539.200	57.650.964.291
+ Kho cảng xăng dầu Cái Mép (giai đoạn 2) (*)	56.164.171.321	56.164.171.321
+ Khu đất Đầm Bà Tài - TP. Hải Phòng	820.562.061	820.562.061
+ Tích hợp QLHH CHXD	200.000.000	200.000.000
+ Công trình BQL 6439 (sửa chữa nhà xuất xe bồn và hệ thống phòng cháy chữa cháy XN An Hải)	-	356.230.909
+ Tự động hoá xuất hàng Xi nhiệp Hoà Hiệp	110.000.000	110.000.000
+ CHXD Bình An	103.805.818	-
- Sửa chữa	185.894.825	321.570.151
+ Kho An Hải + kho Phú Định	185.894.825	321.570.151
<b>Cộng</b>	<b>60.957.161.297</b>	<b>74.890.716.259</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 2 của kho cảng xăng dầu Cái Mép, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện tại công trình đang tạm dừng và chờ quyết định từ Tập đoàn.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN (PETEC)**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	566.725.365.600	27.271.880.478	50.624.472.518	3.835.978.000	38.980.661.961	687.438.358.557
Số tăng trong năm	5.602.260.264	3.178.501.717	1.207.039.091	203.735.000	-	10.191.536.072
- Mua trong năm	380.140.936	2.012.800.000	1.207.039.091	203.735.000	-	3.803.715.027
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.129.377.760	599.501.717	-	-	-	5.728.879.477
- Tặng khác	92.741.568	566.200.000	-	-	-	658.941.568
Số giảm trong năm	650.510.468	-	1.284.219.832	-	-	1.934.730.300
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.284.219.832	-	-	1.284.219.832
- Giảm khác	650.510.468	-	-	-	-	650.510.468
Số dư cuối năm	571.677.115.396	30.450.382.195	50.547.291.777	4.039.713.000	38.980.661.961	695.695.164.329
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	201.478.457.467	20.221.606.830	36.924.700.278	3.482.985.046	23.514.763.223	285.622.512.844
Số tăng trong năm	23.825.788.064	1.847.357.345	2.461.483.510	185.928.331	3.862.488.024	32.183.045.274
- Khấu hao trong năm	23.825.788.064	1.847.357.345	2.446.026.591	185.928.331	17.736.360	28.322.836.691
- Tặng khác	-	-	15.456.919	-	3.844.751.664	3.860.208.583
Số giảm trong năm	-	-	1.070.183.272	-	-	1.070.183.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.070.183.272	-	-	1.070.183.272
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	225.304.245.531	22.068.964.175	38.316.000.516	3.668.913.377	27.377.251.247	316.735.374.846
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	365.246.908.133	7.050.273.648	13.699.772.240	352.992.954	15.465.898.738	401.815.845.713
Tại ngày cuối năm	346.372.869.865	8.381.418.020	12.231.291.261	370.799.623	11.603.410.714	378.959.789.483

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

64.200.894.103





Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

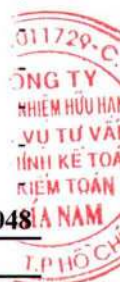
Năm 2017

### 10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	307.385.450.520	3.554.276.528	310.939.727.048
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	307.385.450.520	3.554.276.528	310.939.727.048
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.391.311.725	2.218.732.233	7.610.043.958
Số tăng trong năm	1.420.392.464	316.415.304	1.736.807.768
- Khấu hao trong năm	1.420.392.464	316.415.304	1.736.807.768
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	6.811.704.189	2.535.147.537	9.346.851.726
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	301.994.138.795	1.335.544.295	303.329.683.090
Tại ngày cuối năm	300.573.746.331	1.019.128.991	301.592.875.322

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 100.000.000



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>11.1. Ngắn hạn</b>		
- CCDC xuất dùng	186.133.870	919.902.190
- Chi phí mua bảo hiểm	136.375.291	219.689.436
- Chi phí khác	855.492.019	
<b>Cộng</b>	<b>1.178.001.180</b>	<b>1.139.591.626</b>
<b>11.2. Dài hạn</b>		
- Lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa (*)	211.800.492.266	215.147.524.416
- Giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hóa	2.588.629.112	3.180.315.248
- Lợi thế quyền sử dụng đất tại CHXD 19/4 Bình Thuận	13.538.512.500	13.901.962.500
- Chi phí san lấp mặt bằng (**)	20.368.078.030	11.907.556.740
- Chi phí khác	20.352.374.023	9.929.477.934
<b>Cộng</b>	<b>268.648.085.931</b>	<b>254.066.836.838</b>

**Ghi chú:**

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty, được xác định và phê duyệt khi Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần vào ngày 18/05/2011.

(\*\*) Tổng Công ty điều chỉnh lại thời gian phân bổ chi phí san lấp mặt bằng kho xăng dầu Cái Mép phân bổ từ 12 năm chuyển thành phân bổ theo thời hạn thuê đất (40 năm) theo thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 25/04/2013. Dẫn đến số tiền chênh lệch 10.478.751.250 VND Công ty đã hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

### 11.3. Lợi thế thương mại

**a. Nguyên giá**

Tại ngày 01/01/2017 và tại ngày 31/12/2017

6.824.308.267

**b. Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2017

3.836.570.020

Khấu hao trong kỳ

682.430.828

Tại ngày 31/12/2017

4.519.000.848

**c. Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2017

**2.987.738.247**

Tại ngày 31/12/2017

**2.305.307.419**



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

### **12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Phát sinh		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng HD bank (VND)	-	-	1.725.000.000	1.725.000.000	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (VND)	-	-	-	1.380.000.000	1.380.000.000	1.380.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (USD)	22.669.533.000	22.669.533.000	168.010.000.853	174.268.439.531	28.927.971.678	28.927.971.678
Ngân hàng TMCP Đông Á (USD)	2.291.431.500	2.291.431.500	926.521	5.459.287.021	7.749.792.000	7.749.792.000
<b>Cộng</b>	<b>24.960.964.500</b>	<b>24.960.964.500</b>	<b>169.735.927.374</b>	<b>182.832.726.552</b>	<b>38.057.763.678</b>	<b>38.057.763.678</b>

*Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2017	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 01/2017/1658137/HĐTD ngày 25/10/2017	Vay Ngân Hàng BIDV Bà Chiểu	12 tháng	theo lãi suất ngân hàng từng thời kỳ	22.669.533.000	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số: H0035/3HM; H0036/3HM	Vay Ngân hàng DAB, Quận 10	12 tháng	theo lãi suất ngân hàng từng thời kỳ	2.291.431.500	Tín chấp

**Cộng**

**24.960.964.500**



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2017

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>13.1. Ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	529.236.394.809	529.236.394.809	579.048.962.455	579.048.962.455
Đối tượng khác	11.289.030.211	11.289.030.211	14.049.453.635	14.049.453.635
<b>Cộng</b>	<b>540.525.425.020</b>	<b>540.525.425.020</b>	<b>593.098.416.090</b>	<b>593.098.416.090</b>
<b>13.2. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Cty CP MCO Việt Nam	1.972.862.258	1.972.862.258	1.972.862.259	1.972.862.259
Cty CP Xây dựng và Phát triển Đô Thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.243.455.937	4.243.455.937	4.243.455.937	4.243.455.937
Cty CP Tư vấn XD và TM Thành Hưng	-	-	21.900.000	21.900.000
Cty CP Tư vấn Thiết kế Evo	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cty CP Hàng hải Dầu khí Hải Âu	147.252.000	147.252.000	147.252.000	147.252.000
Cty CP TKXD Tư vấn Đầu tư Nguyễn Gia Phát	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000
XN DV và XL Thương mại Petrolimex	12.113.044	12.113.044	12.113.044	12.113.044
<b>Cộng</b>	<b>6.457.783.239</b>	<b>6.457.783.239</b>	<b>6.479.683.240</b>	<b>6.479.683.240</b>

**Ghi chú:**

Phải trả người bán là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh VIII.3

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2017
	<b>14.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>			
Thuế giá trị gia tăng	4.549.769.225	63.876.045.884	62.640.417.870	5.785.397.239
Thuế xuất, nhập khẩu	-	128.977.175	128.977.175	-
Thuế bảo vệ môi trường	67.194.753.700	651.662.464.200	664.890.348.900	53.966.869.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.839.515.968	4.839.515.968	-
Thuế thu nhập cá nhân	219.134.142	464.726.442	600.228.881	83.631.703
Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>71.963.657.067</b>	<b>720.979.729.669</b>	<b>733.107.488.794</b>	<b>59.835.897.942</b>
<b>14.2. Thuế và các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.522.093.964	-	-	1.522.093.964
<b>Cộng</b>	<b>1.522.093.964</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,522,093,964</b>



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2017**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017</b>
<b>15.1. Ngắn hạn</b>		
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	250.497.450	383.795.126
- Các khoản phải trả, phải nộp	9.494.632.990	5.177.944.963
+ Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	90.361.693
+ Công ty CP XDDK Nam Định	6.410.665.000	-
+ Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu	2.514.075.500	-
+ Đối tượng khác	569.892.490	5.087.583.270
<b>Cộng</b>	<b>9.745.130.440</b>	<b>5.561.740.089</b>
<b>15.2. Dài hạn</b>		
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	288.000.000	270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>288.000.000</b>	<b>270.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN (PETEC)**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(5.232.969.000)</b>	<b>8.760.524.885</b>	<b>(1.640.831.037.400)</b>	<b>5.603.662.477</b>	<b>857.074.882.418</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	(22.567.270.013)	-	(22.567.270.013)
- Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	611.143.987	(611.143.987)	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	(2.044.913.014)	(151.562.403)	(2.196.475.417)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(5.232.969.000)</b>	<b>8.760.524.885</b>	<b>(1.664.832.076.440)</b>	<b>4.840.956.087</b>	<b>832.311.136.988</b>
(Số dư đầu năm nay)						
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	(21.828.619.006)	-	(21.828.619.006)
- Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	1.206.318.742	(1.206.318.742)	-
- Tăng / Giảm khác	-	-	-	(215.152.023)	-	(215.152.023)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(5.232.969.000)</b>	<b>8.760.524.885</b>	<b>(1.685.669.528.727)</b>	<b>3.634.637.345</b>	<b>810.267.365.959</b>

(\*) **Ghi chú:** Thuyết minh chi tiết tình hình góp vốn như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Đã góp vốn

Chưa góp

**Tại ngày**  
**31/12/2017**

2.600.000.000.000

2.488.774.701.456

111.225.298.544

Tại ngày 31/12/2017, vốn góp của chủ sở hữu chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư Petec.





Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	2.353.025.701.456
Ngân hàng TMCP Đại Dương	64.792.860.000	64.792.860.000
Công ty CP Kho vận Petec	5.490.270.000	5.490.270.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.787.680.000	3.787.680.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.388.970.000	3.388.970.000
Nguyễn Anh Tuấn	2.990.270.000	2.990.270.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.790.920.000	2.790.920.000
Công ty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	2.491.890.000	2.491.890.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.993.510.000	1.993.510.000
Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	1.993.510.000	1.993.510.000
Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng	1.993.510.000	1.993.510.000
Công ty CP Dịch vụ và TM Hải Bình	1.495.130.000	1.495.130.000
Công ty CP Âu Lạc	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ đông khác	41.540.480.000	41.540.480.000
<b>Cộng</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>2.488.774.701.456</b>

### 16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

### 16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 16.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông : không công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi : không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không phát sinh

### 16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	8.760.524.885	8.760.524.885
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

## 17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 17.1. Tài sản nhận giữ hộ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty nhận giữ hộ các tài sản như sau:

Tài sản	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
Xăng 92 không chì	Lít	2.318.990	Tốt	
Xăng 95 không chì	Lít	244.415	Tốt	
Xăng E5	Lít	2.674.380	Tốt	
Dầu DO 0,05%S	Lít	51.423.713	Tốt	
Dầu FO 3,5 %S	Kg	11.374.076	Tốt	
Dầu FO 3%S	Kg	20.719	Tốt	

### 17.2. Ngoại tệ các loại

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
- USD	197.665,05	230.002,14
- EUR	327,51	531,19
- SGD	363,84	380,40



Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu	3.669.184.734.514	3.157.012.864.854
- Doanh thu dịch vụ thương mại khác	399.347.039.199	278.240.072.470
- Doanh thu hoạt động khác	751.150.127	477.800.137
<b>Cộng</b>	<b>4.069.282.923.840</b>	<b>3.435.730.737.461</b>

#### Ghi chú:

Doanh thu phát sinh trong kỳ đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh VIII.3

#### 2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa xăng dầu đã bán	3.577.846.022.372	3.066.711.759.550
- Giá vốn dịch vụ thương mại khác	325.789.114.817	224.735.870.335
- Giá vốn hoạt động khác	685.531.054	584.018.177
<b>Cộng</b>	<b>3.904.320.668.243</b>	<b>3.292.031.648.062</b>

#### 4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	831.960.890	862.363.664
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.862.132.600	3.015.086.900
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	9.252.672.935
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.074.377.979	1.827.197.873
- Doanh thu tài chính khác	292.974.465	-
<b>Cộng</b>	<b>6.061.445.934</b>	<b>14.957.321.372</b>

#### 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	870.289.545	801.445.875
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.012.399.343	1.966.336.351
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	987.957.161	58.942.439
- Lãi chậm thanh toán	-	1.124.100.122
- Chi phí tài chính khác	267.945.520	119.642.890
<b>Cộng</b>	<b>3.138.591.569</b>	<b>4.070.467.677</b>

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	37.817.077	1.026.856.660
- Tiền phạt thu được, bồi thường	12.210.181	150.586.922
- Các khoản khác	200.381.647	329.332.027
<b>Cộng</b>	<b>250.408.905</b>	<b>1.506.775.609</b>

### 7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản bị phạt	87.202.662	17.623.455
- Các khoản khác	23.594.874	133.991.414
<b>Cộng</b>	<b>110.797.536</b>	<b>151.614.869</b>

### 8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>8.1. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	2.757.430.716	3.799.861.647
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3.418.961.085	5.836.422.616
- Chi phí nhân viên	53.889.650.863	52.624.378.358
- Chi phí khấu hao	28.360.636.400	32.865.001.139
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.351.866.454	9.532.466.976
- Các khoản chi phí bán hàng khác	46.067.909.639	39.265.843.223
<b>Cộng</b>	<b>141.846.455.157</b>	<b>143.923.973.959</b>
<b>8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	376.347.181	959.418.071
- Chi phí công cụ, dụng cụ	747.217.846	2.712.870.698
- Chi phí nhân viên	16.637.912.661	18.427.828.239
- Chi phí khấu hao	1.560.086.182	2.236.132.147
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.570.995.144	4.811.325.704
- Thuế, phí, lệ phí	6.605.211.676	4.160.501.262
- Chi phí dự phòng, hoàn nhập dự phòng	6.476.963.808	(4.495.980.083)
- Các khoản chi phí QLDN khác	12.972.242.865	11.092.931.184
<b>Cộng</b>	<b>48.946.977.363</b>	<b>39.905.027.222</b>



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.299.956.828	13.308.573.032
- Chi phí nhân công	70.527.563.524	79.438.882.492
- Chi phí khấu hao TSCĐ	29.920.722.582	42.735.038.529
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.922.861.598	45.378.843.137
- Chi phí bằng tiền khác	72.122.327.988	23.420.296.709
<b>Cộng</b>	<b>190.793.432.520</b>	<b>204.281.633.899</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	Năm nay	Năm trước
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(21.828.619.006)</b>	<b>(22.567.270.013)</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	204.500.449	385.662.557
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ, tiền phạt</i>	<i>204.500.449</i>	<i>385.662.557</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	4.363.488.800	5.132.611.100
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>4.363.488.800</i>	<i>5.132.611.100</i>
- <b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(25.987.607.357)</b>	<b>(27.314.218.556)</b>
- <b>Lỗ tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
- <b>Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 831.076.788.476 đồng có thể sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

	<b>Lỗ tính thuế các kỳ</b>
Lỗ tính thuế năm 2013	517.443.248.942
Lỗ tính thuế năm 2014	186.254.025.873
Lỗ tính thuế năm 2015	74.077.687.748
Lỗ tính thuế năm 2016	27.314.218.556
Lỗ tính thuế năm 2017	25.987.607.357
	<b>831.076.788.476</b>

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(20.622.300.264)	(21.956.126.026)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	248.877.470	248.877.470
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(83)</b>	<b>(88)</b>

### 12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(20.622.300.264)	(21.956.126.026)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	248.877.470	248.877.470
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(83)</b>	<b>(88)</b>

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

#### 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Không phát sinh.

#### 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Không phát sinh.

#### 3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay
169.735.927.374

#### 4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay
182.832.726.552

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

### **3. Thông tin về các bên liên quan**

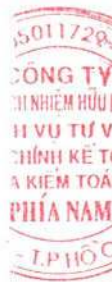
#### **3.1. Bên có liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Công ty liên kết
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Lube	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Công ty cùng Tập đoàn

#### **3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.183.144.000	2.118.725.000



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.605.597.119	5.746.552.530
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	18.745.045.500	47.514.918.900
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	19.392.246.000	54.773.559.908
<i>Công ty cùng Tập đoàn</i>		
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	54.545.455
Công ty CP Dầu nhờn PVOIL	34.148.825	20.400.008
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	4.635.840.000	
Công ty Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	32.090.873	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	2.417.549.947	12.338.578.092
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	-	3.635.482.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	54.379.440.579	25.704.668.217
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	16.473.497.350	2.324.574.239
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	34.274.685.775	69.084.626.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	6.643.254.957	25.515.515.556
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.394.807.735	34.576.149.238
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	-	3.977.500.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.366.773.964	457.339.253
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	22.600.748.685	48.779.776.499
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	440.285
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	11.287.581
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	182.592.717	556.673.839
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.874.972.000	708.124.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	48.456.550.000	18.790.150.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	25.806.442	232.363.212
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	66.608.597.509	84.609.842.437
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	181.397.505
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	20.200.560.875	-



**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**Mua hàng và dịch vụ**

**Công ty mẹ**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam 3.489.376.820.653 3.015.892.857.538

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Kho vận Petec 240.000.000 240.000.000

**Công ty cùng Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông 193.098.573 1.733.574.225

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng 113.754.899 65.304.107

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận 1.568.181.819 3.149.090.910

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên 1.092.422.496 1.259.878.921

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung 847.226.044 661.456.921

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam 1.592.813.714 5.293.381.860

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa - Thiên Huế 28.527.810

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân 13.371.419

Công ty CP Dầu nhờn PVOIL 558.695.900 734.627.642

**Lãi chậm thanh toán**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam 185.746.370 1.124.100.122

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017</b>
----------------------	--------------------------------	--------------------------------

**Các khoản phải thu**

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Petec Bình Định - 176.718.300

Công ty Cổ phần Kho vận Petec 7.076.060.894 7.412.581.094

**Công ty cùng Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình 76.348.579 50.631.890

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Lube 36.692.892 870.925

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên - 179.904.648

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu 39.388.031 54.886.567

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội 283.919.884 125.568.268

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định 10.524.144.037 12.205.539.805

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ 80.739.703 -

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh - 24.113.157

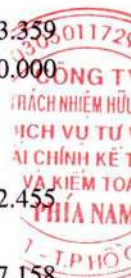
**Mẫu số B 09a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	172.039.138	96.917.322
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	22.251.393	96.345.552
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	112.510.442	257.835.488
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	30.200	30.200
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	-	8.353.400.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	847.853	-
Công ty Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	9.583.891	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	150.000.000
<b>Công ty cùng Tập đoàn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	170.283.513.359	170.283.513.359
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.238.000.000	2.502.000.000
<b>Các khoản phải trả</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	529.236.394.809	579.048.962.455
<b>Công ty cùng Tập đoàn</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	176.937.158
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	10.172.774	38.696.419
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	58.867.764	10.279.959
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	214.375.746	1.380.318.033
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	101.534.550	176.715.347
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Lube	253.679.264	152.973.237
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	8.755.918	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	11.871.047	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	90.361.693
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	6.410.665.000	-





Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### 4. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

#### 4.1. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá cả. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

##### a. Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả bằng tiền có gốc bằng tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
USD	23.392.671.956	16.904.087.672	25.187.623.339	36.752.944.158
EUR	8.303.938	13.245.965	-	-
SGD	5.658.734	6.007.430	-	-

##### Độ nhạy về ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Tổng Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối kỳ.

Phân tích biến động rủi ro tỷ giá cho USD, EUR và SGD không có ảnh hưởng trọng yếu dẫn đến lỗ trước thuế của Công ty.

##### b. Rủi ro về giá

##### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

##### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.





**Mẫu số B 09a - DN**

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

### **4.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31/12/2017 Công ty có khoản rủi ro tín dụng khá lớn từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu như trình bày tại Thuyết minh V.2 và V.6.

### **4.3. Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>&lt; 1 năm</b>	<b>Từ 01 - 05 năm</b>	<b>&gt; 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.350.557.766	-	-	30.350.557.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	282.176.778.444	19.787.254.473	-	301.964.032.917
Đầu tư dài hạn khác	-	40.425.056.282	-	40.425.056.282
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.527.336.210</b>	<b>60.212.310.755</b>	<b>-</b>	<b>372.739.646.965</b>
Các khoản vay	24.960.964.500	-	-	24.960.964.500
Phải trả người bán và phải trả khác	550.270.555.460	288.000.000	-	550.558.555.460
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.231.519.960</b>	<b>288.000.000</b>	<b>-</b>	<b>575.519.519.960</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(262.704.183.750)</b>	<b>59.924.310.755</b>	<b>-</b>	<b>(202.779.872.995)</b>



Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

### Tại ngày 01/01/2017

Tiền và các khoản tương đương tiền	23.303.167.973	-	-	23.303.167.973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	296.324.900.096	19.957.827.953	-	316.282.728.049
Đầu tư dài hạn khác	-	40.428.056.282	-	40.428.056.282
<b>Tổng cộng</b>	<b>319.628.068.069</b>	<b>60.385.884.235</b>	<b>-</b>	<b>380.013.952.304</b>
Các khoản vay	38.057.763.678	-	-	38.057.763.678
Phải trả người bán và phải trả khác	598.660.156.179	270.000.000	-	598.930.156.179
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.717.919.857</b>	<b>270.000.000</b>	<b>-</b>	<b>636.987.919.857</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(317.089.851.788)</b>	<b>60.115.884.235</b>	<b>-</b>	<b>(256.973.967.553)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, do một phần khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày ở Thuyết minh VIII.3. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 4.4. Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Các khoản vay	24.960.964.500	38.057.763.678
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	30.350.557.766	23.303.167.973
Nợ thuần	(5.389.593.266)	14.754.595.705
Vốn chủ sở hữu	806.632.728.614	827.470.180.901
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>(0,0067)</b>	<b>0,0178</b>

### 5. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.350.557.766	23.303.167.973
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.964.032.917	316.282.728.049
Đầu tư dài hạn khác	40.425.056.282	40.428.056.282
<b>Tổng cộng</b>	<b>372.739.646.965</b>	<b>380.013.952.304</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	24.960.964.500	38.057.763.678
Phải trả người bán và phải trả khác	550.558.555.460	598.930.156.179
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.519.519.960</b>	<b>636.987.919.857</b>

**Mẫu số B 09a - DN**

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2017**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### **6. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY**

### **7. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### **8. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

Người lập biểu

**Khuu Kim Huế**

Kế toán trưởng

**Bùi Minh Hiệp**

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



**Huỳnh Đức Trường**